

Số: 334/2015/QĐ-HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 09 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất
niên độ 2014-2015 (01/07/2014 đến 30/06/2015)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần đường Biên Hòa;
- Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ Tờ trình ngày 21/09/2015 về việc phê duyệt Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất niên độ 2014-2015 (01/07/2014 đến 30/06/2015) của Ban Tổng giám đốc;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến ngày 28/09/2015 của Hội đồng quản trị,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất niên độ 2014-2015 (01/07/2014 đến 30/06/2015) (bao gồm Báo cáo của Công mẹ - BHS và Báo cáo của Công ty TNHH MTV Hải Vi) với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng kết tài sản:

Nội dung	Số cuối kỳ 30/06/2015	Số đầu niên độ 01/07/2014
Tổng tài sản	2.429.595.013.806	2.324.629.920.002
1. Tài sản ngắn hạn	1.618.679.896.705	1.539.023.123.966
2. Tài sản dài hạn	810.915.117.101	785.606.796.036
Tổng nguồn vốn	2.429.595.013.806	2.324.629.920.002
1. Nợ phải trả	1.515.903.437.931	1.470.457.898.949
2. Vốn sở hữu	913.691.575.875	854.172.021.053

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Nội dung	Từ 01/07/2014 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Tổng doanh thu (<i>Bán hàng, Tài chính, khác</i>)	3.030.955.694.718	1.292.470.989.940
Tổng chi phí (<i>Giá vốn, Tài chính, bán hàng, quản lý, khác</i>)	2.904.193.430.581	1.233.798.343.545
Phân lãi/ lỗ trong công ty liên kết	3.119.664	115.612.167
Lợi nhuận trước thuế	126.765.383.801	58.788.258.562

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu tại Vp.CT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN THỊ HOA

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 21 tháng 1 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 1 năm 2015)
	Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó chủ tịch (từ ngày 31 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
	Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
	Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên (từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 đến ngày 15 tháng 4 năm 2015)
	Ông Bùi Văn Lang	Phó Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 1 năm 2015 đến ngày 24 tháng 6 năm 2015)
	Ông Nguyễn Văn Lộc	Phó Chủ tịch (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên (đến ngày 21 tháng 5 năm 2015)
	Ông Tống Thông	Thành viên (đến ngày 22 tháng 6 năm 2015)
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên
	Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên (từ ngày 26 tháng 6 năm 2015)
	Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2015)
	Bà Trần Quế Trang	Thành viên (từ ngày 26 tháng 6 năm 2015)

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 3 năm 2015)
	Ông Bùi Văn Lang	Tổng Giám đốc (đến ngày 5 tháng 3 năm 2015)
	Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 4 năm 2015)
	Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 1 năm 2015)
	Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
	Ông Lê Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 10 năm 2014)
	Ông Lê An Khang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 9 năm 2014)
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 25 tháng 8 năm 2014)
	Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 8 năm 2014)
	Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 5 năm 2015)
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 5 tháng 3 năm 2015)	
Ban Kiểm soát	Ông Phạm Trung Kiên	Trưởng ban (từ ngày 17 tháng 4 năm 2015)
	Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban (đến ngày 16 tháng 4 năm 2015)
	Ông Lê Văn Hòa	Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2015)
	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên (từ ngày 20 tháng 10 năm 2014 đến ngày 16 tháng 4 năm 2015)
	Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên (đến ngày 19 tháng 10 năm 2014)
	Ông Lê Nho Định	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2015)
	Ông Lê Quốc Phong	Thành viên (từ ngày 26 tháng 6 năm 2015)
Trụ sở đăng ký	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1 Phường An Bình Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 18 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 9 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 63.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đạo đức kiểm toán số: 15-01-106



Hà Vũ Đình

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2015

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.618.679.896.705	1.539.023.123.966
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	39.259.307.816	71.162.997.242
Tiền	111		10.059.307.816	71.162.997.242
Các khoản tương đương tiền	112		29.200.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	82.921.461.456	31.052.571.428
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	772.286.914.001	552.976.031.534
Phải thu khách hàng	131		397.188.652.520	264.772.913.069
Trả trước cho người bán	132		377.346.149.810	292.409.054.781
Phải thu khác	135		10.799.273.958	5.649.794.273
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(13.047.162.287)	(9.855.730.589)
Hàng tồn kho	140	8	702.566.926.494	837.129.926.134
Hàng tồn kho	141		702.566.926.494	837.582.728.938
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(452.802.804)
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.645.286.938	46.701.597.628
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.690.059.755	11.992.966.401
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.470.058.841	33.414.183.169
Thuế phải thu Nhà nước	154		920.475.720	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.564.692.622	1.294.448.058
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 269)	200		810.915.117.101	785.606.796.036
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	17.648.398.812	38.857.028.969
Phải thu dài hạn khác	218		17.648.398.812	38.857.028.969
Tài sản cố định	220		700.893.156.134	660.425.673.752
Tài sản cố định hữu hình	221	9	563.227.862.981	530.126.992.995
<i>Nguyên giá</i>	222		1.033.607.268.916	953.810.252.321
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(470.379.405.935)	(423.683.259.326)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.513.424.423	8.803.090.919
<i>Nguyên giá</i>	228		21.252.921.543	20.483.171.543
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.739.497.120)	(11.680.080.624)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	129.151.868.730	121.495.589.838

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	72.713.193.139	69.072.253.086
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.133.049.000	7.129.929.336
Đầu tư dài hạn khác	258		77.704.479.384	72.055.143.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.124.335.245)	(10.112.819.634)
Tài sản dài hạn khác	260		9.299.102.685	4.709.254.670
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.873.410.601	4.709.254.670
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	7.415.692.084	-
Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	-
Lợi thế thương mại	269	15	10.361.266.331	12.542.585.559
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.429.595.013.806	2.324.629.920.002
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.515.903.437.931	1.470.457.898.949
Nợ ngắn hạn	310		1.448.329.638.152	1.395.051.404.016
Vay ngắn hạn	311	16	1.111.333.349.390	1.178.722.775.603
Phải trả người bán	312	17	111.841.437.258	89.379.353.266
Người mua trả tiền trước	313	18	47.581.790.505	31.098.496.907
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	314	19	20.239.067.632	7.536.180.186
Phải trả người lao động	315		21.615.193.302	23.146.291.584
Chi phí phải trả	316	20	83.407.402.315	5.051.920.742
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	46.315.522.659	53.976.651.762
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	5.995.875.091	6.139.733.966
Vay và nợ dài hạn	330		67.573.799.779	75.406.494.933
Phải trả dài hạn khác	333		532.640.000	1.555.540.000
Vay dài hạn	334	23	67.041.159.779	73.850.954.933
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		913.691.575.875	854.172.021.053
Vốn chủ sở hữu	410	24	913.691.575.875	854.172.021.053
Vốn cổ phần	411	25	629.949.180.000	629.949.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	39.817.240.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	27	109.299.828.194	107.083.910.486
Quỹ dự phòng tài chính	418	27	35.198.110.466	32.982.192.758
Lợi nhuận chưa phân phối	420		99.427.217.215	44.339.497.809
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.429.595.013.806	2.324.629.920.002

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2015	30/6/2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	33.046.998.148	28.191.292.540
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	10.626.739.437	10.703.991.527
Ngoại tệ (USD)	2.628	174.314
Ngoại tệ (EUR)	250	250

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu	01	28	2.988.892.945.642	1.263.543.067.421
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	14.081.200.740	5.077.980.705
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	2.974.811.744.902	1.258.465.086.716
Giá vốn hàng bán	11	29	2.627.304.143.427	1.082.901.043.775
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		347.507.601.475	175.564.042.941
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	47.863.862.875	32.124.526.010
Chi phí tài chính	22	31	74.909.648.999	52.903.104.681
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>67.197.422.177</i>	<i>45.141.207.971</i>
Chi phí bán hàng	24		81.477.991.261	44.905.560.888
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		115.598.984.610	52.148.722.257
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		123.384.839.480	57.731.181.125
Thu nhập khác	31	32	8.280.086.941	1.881.377.214
Chi phí khác	32	33	4.902.662.284	939.911.944
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.377.424.657	941.465.270
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	45	12	3.119.664	115.612.167
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		126.765.383.801	58.788.258.562
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	35.229.077.605	13.002.992.208
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(7.415.692.084)	305.624.415
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		98.951.998.280	45.479.641.939

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		98.951.998.280	45.479.641.939
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	62		98.951.998.280	45.479.641.939
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.571	722

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		126.765.383.801	58.788.258.562
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		53.102.418.888	23.575.700.793
Các khoản dự phòng	03		5.249.248.270	9.592.200.357
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		880.799.429	131.939.929
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	05		(3.119.664)	(115.612.167)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(529.673.126)	(831.633.512)
Thu nhập lãi từ tiền gửi	05		(411.023.644)	(697.418.447)
Thu nhập lãi từ các khoản trả trước cho nông dân trồng mía và cho người bán	05		(36.550.287.065)	(28.210.597.438)
Thu nhập lãi từ tiền khách hàng thanh toán chậm	05		(5.717.951.690)	(2.734.761.500)
Thu nhập cổ tức	05		(2.223.558.000)	-
Chi phí lãi vay	06		67.197.422.177	45.141.207.971
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		207.759.659.376	104.639.284.548
Biến động các khoản phải thu	09		(150.102.584.090)	201.174.484.575
Biến động hàng tồn kho	10		134.562.999.640	(493.916.479.366)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		127.820.358.722	(123.059.900.473)
Biến động chi phí trả trước	12		1.138.750.715	(1.841.857.877)
			321.179.184.363	(313.004.468.593)
Tiền lãi vay đã trả	13		(67.549.792.446)	(42.396.237.841)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(27.084.521.250)	(10.222.498.146)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.484.961.374)	(8.647.629.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		220.059.909.293	(374.270.834.043)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(82.414.029.022)	(52.162.822.284)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		4.784.965.410	1.229.045.456
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	25		(351.000.000.000)	(261.100.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay	25		299.131.109.972	274.287.428.572
Tiền chi đầu tư cổ phiếu dài hạn	25		(12.487.536.700)	(11.035.080.000)
Tiền thu lãi và cổ tức	27		28.069.575.777	41.262.828.363
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(113.915.914.563)	(7.518.599.893)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.706.921.157.611	1.522.737.118.241
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.782.059.110.310)	(1.308.077.074.456)
Tiền chi trả cổ tức	36		(62.910.348.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(138.048.301.199)	214.660.043.785
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(31.904.306.469)	(167.129.390.151)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		71.162.997.242	238.292.387.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		617.043	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	39.259.307.816	71.162.997.242

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón; vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 và do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 450300000501 cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001, đặt tại Quốc lộ 22B, Ấp Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4713000435 cấp ngày 7 tháng 12 năm 2007, đặt tại Thôn 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014 đặt tại Thôn Thành Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3213000033 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2001, đặt tại số 280 – 282, Đường Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Văn phòng đại diện số 3600495818-012 ngày 8 tháng 9 năm 2014, đặt tại số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Chi tiết các công ty trong Nhóm công ty như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
<i>Các công ty con của Công ty</i>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi (“Hải Vi”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long (“Biên Hòa – Thành Long”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900854955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 8 tháng 12 năm 2009.	100%	100%
<i>Công ty liên kết của Công ty</i>				
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”)	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	24%	24%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Biên Hòa – Thành Long và công ty này vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 27 tháng 6 năm 2014, Cổ đông đã thông qua việc Công ty mua lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“NHS”) bằng việc phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu của NHS với tỷ lệ hoán đổi là 1:1. Vào ngày 9 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 60.349.080 cổ phiếu cho việc mua lại trên và việc mua lại dự kiến hoàn thành trước ngày 31 tháng 10 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Nhóm công ty có 894 nhân viên (31/12/2014: 957 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Nhóm công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Nhóm công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Các kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Theo đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (kỳ 6 tháng) và không thể so sánh được với các số liệu của kỳ hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm công ty tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ hoặc giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá theo hướng dẫn của Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 điều chỉnh cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản trả trước cho người bán

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn của Nhóm công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiêu thụ.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Nhóm công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 15 năm.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại các công ty con và các công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trong những năm tài chính trước, Nhóm công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Nhóm công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Nhóm công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Nhóm công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(s) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iv) Doanh thu cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(y) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

Nhóm công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Tiền mặt	439.725.788	548.602.089
Tiền gửi ngân hàng	8.928.352.028	70.614.395.153
Tiền đang chuyển	691.230.000	-
Các khoản tương đương tiền	29.200.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	39.259.307.816	71.162.997.242
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho khách hàng và nhà cung cấp vay với thời gian đáo hạn dưới 1 năm kể từ ngày giải ngân và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng. Các khoản cho vay và tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 4,75% đến 11,0% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 8,0% đến 11,0%).

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	164.556.061.288	944.981.769
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Thương mại	1.002.993.401	-
	<hr/>	<hr/>

Phải thu thương mại từ các cổ đông và các công ty liên quan khác không được đảm bảo bằng tài sản, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 - 20 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu với giá trị là 342.185 triệu VND (30/6/2014: 509.951 triệu VND) được yêu cầu thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho các bên liên quan sau:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Trả trước cho các cổ đông		
Thương mại	164.705.792.455	26.149.190.734
Trả trước cho các công ty liên quan khác		
Thương mại	26.507.154.492	14.483.325.001

Khoản trả trước cho các cổ đông và các công ty liên quan khác không được đảm bảo bằng tài sản và hưởng lãi suất năm dao động từ 8,2% đến 8,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 7,8% đến 8,5%).

Trong khoản trả trước cho người bán và khoản phải thu dài hạn khác có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	99.115.995.937	159.195.266.329
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	17.648.398.812	38.857.028.969
	116.764.394.749	198.052.295.298

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất tháng cố định là 0,9% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 0,9% mỗi tháng). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong kỳ, Nhóm công ty đã căn trừ 180.702.035.285 VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 159.358.141.952 VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Mua cổ phần chưa nhận sổ cổ đông	6.838.200.700	-
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	2.852.868.841	4.040.313.984
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển phải thu từ nông dân trồng mía	-	175.370.435
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	158.634.673	313.232.085
Phải thu khác	949.569.744	1.120.877.769
	<hr/>	<hr/>
	10.799.273.958	5.649.794.273
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

8. Hàng tồn kho

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	74.802.031.217
Nguyên vật liệu	54.209.965.390	66.021.159.445
Công cụ và dụng cụ	14.901.818.581	14.281.501.555
Sản xuất kinh doanh dở dang	41.804.976.811	55.502.974.918
Thành phẩm	579.561.686.615	602.171.782.561
Hàng hóa	12.088.479.097	24.803.279.242
	<hr/>	<hr/>
	702.566.926.494	837.582.728.938
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(452.802.804)
	<hr/>	<hr/>
	702.566.926.494	837.129.926.134
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 393.350 triệu VND (30/6/2014: 702.034 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	452.802.804	-
Tăng dự phòng trong kỳ	-	452.802.804
Sử dụng dự phòng	(452.802.804)	-
Số dư cuối kỳ	-	452.802.804

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	166.128.519.587	751.286.630.974	9.492.085.216	26.903.016.544	953.810.252.321
Tăng trong kỳ	-	4.561.106.407	1.152.569.979	2.502.762.364	8.216.438.750
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	40.089.577.678	34.666.846.115	328.395.637	3.916.587.254	79.001.406.684
Phân loại lại	1.338.636.348	(1.338.636.348)	-	-	-
Thanh lý	-	(7.088.607.127)	-	(332.221.712)	(7.420.828.839)
Số dư cuối kỳ	207.556.733.613	782.087.340.021	10.973.050.832	32.990.144.450	1.033.607.268.916
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	84.220.851.007	324.486.314.971	4.410.760.956	10.565.332.392	423.683.259.326
Khấu hao trong kỳ	7.931.685.654	38.264.147.371	913.335.930	2.752.514.209	49.861.683.164
Phân loại lại	65.200.335	(65.200.335)	-	-	-
Thanh lý	-	(2.833.314.843)	-	(332.221.712)	(3.165.536.555)
Số dư cuối kỳ	92.217.736.996	359.851.947.164	5.324.096.886	12.985.624.889	470.379.405.935
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	81.907.668.580	426.800.316.003	5.081.324.260	16.337.684.152	530.126.992.995
Số dư cuối kỳ	115.338.996.617	422.235.392.857	5.648.953.946	20.004.519.561	563.227.862.981

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 113.813 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 107.368 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 281.769 triệu VND (30/6/2014: 434.373 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	14.759.072.958	4.711.656.654	1.012.441.931	20.483.171.543
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	769.750.000	769.750.000
Số dư cuối kỳ	14.759.072.958	4.711.656.654	1.782.191.931	21.252.921.543
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	7.153.984.910	4.180.005.662	346.090.052	11.680.080.624
Khấu hao trong kỳ	751.930.285	110.949.069	196.537.142	1.059.416.496
Số dư cuối kỳ	7.905.915.195	4.290.954.731	542.627.194	12.739.497.120
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.605.088.048	531.650.992	666.351.879	8.803.090.919
Số dư cuối kỳ	6.853.157.763	420.701.923	1.239.564.737	8.513.424.423

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 3.635 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 2.663 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 1.002 triệu VND (30/6/2014: 6.107 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	121.495.589.838	106.204.175.427
Tăng trong kỳ	87.427.435.576	47.234.048.649
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	4.309.116.363
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(79.001.406.684)	(35.963.306.420)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(769.750.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(288.444.181)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	129.151.868.730	121.495.589.838

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang tại trụ sở chính	43.118.292.657	12.582.520.178
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Dự án sản xuất mía đường đặt tại sông Vàm Cỏ	23.512.406.107	23.512.218.727
Xây dựng cơ bản dở dang tại Thành Long	13.165.047.891	-
Xây dựng cơ bản dở dang tại Trị An	7.705.677.957	15.580.147.284
Xây dựng cơ bản dở dang tại Tây Ninh	1.968.067.563	30.138.327.094
	<hr/>	<hr/>
	129.151.868.730	121.495.589.838

- (*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Nhóm công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co. Ltd để chuyển giao dự án này với giá trị chuyển giao là 2.026.740 USD. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 5.596 triệu VND (30/6/2014: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2015				30/6/2014			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	720.000	24,00%	24,00%	7.133.049.000	720.000	24,00%	24,00%	7.129.929.336
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu của:								
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	4.046.196	10,37%	10,37%	58.262.552.034	4.046.196	10,37%	10,37%	58.262.552.034
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	750.000	5,00%	5,00%	9.000.000.000	750.000	5,00%	5,00%	9.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang	313.852	6,97%	6,97%	5.649.336.000	-	-	-	-
				77.704.479.384				72.055.143.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(12.124.335.245)				(10.112.819.634)
				72.713.193.139				69.072.253.086

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động của đầu tư dài hạn vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	7.129.929.336	7.014.317.169
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	3.119.664	115.612.167
Số dư cuối kỳ	7.133.049.000	7.129.929.336

Biến động của đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	72.055.143.384	61.020.063.384
Tăng trong kỳ	5.649.336.000	11.035.080.000
Số dư cuối kỳ	77.704.479.384	72.055.143.384

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	10.112.819.634	4.264.227.234
Tăng dự phòng trong kỳ	2.011.515.611	5.848.592.400
Số dư cuối kỳ	12.124.335.245	10.112.819.634

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	4.601.106.573	6.720.818.466
Tăng trong kỳ	1.425.273.756	792.688.505
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	288.444.181
Phân bổ trong kỳ	(4.152.969.728)	(3.092.696.482)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.873.410.601	4.709.254.670

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	264.500.810	-
Chi phí phải trả	7.151.191.274	-
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.415.692.084	-
	<hr/>	<hr/>
Phân loại trên bảng cân đối kế toán		
Tài sản dài hạn khác	7.415.692.084	-

(ii) Biến động các chênh lệch tạm thời trong kỳ

	30/6/2014 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VND	30/6/2015 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	264.500.810	264.500.810
Chi phí phải trả	-	7.151.191.274	7.151.191.274
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	-	7.415.692.084	7.415.692.084

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	21.813.192.278
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	9.270.606.719
Phân bổ trong kỳ	2.181.319.228
Số dư cuối kỳ	11.451.925.947
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	12.542.585.559
Số dư cuối kỳ	10.361.266.331

16. Vay ngắn hạn

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	1.131.301.799.032
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	36.378.969.415	47.420.976.571
	1.111.333.349.390	1.178.722.775.603

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2015	30/6/2014
		VND	VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	257.484.978.534	177.396.807.072
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	USD	132.722.964.000	-
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Thương mại Chinatrust – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	VND	43.853.711.674	82.950.000.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	VND	34.081.070.000	170.979.040.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Loại tiền	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (d)	USD	56.453.760.000	53.813.591.460
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	51.737.418.415	133.333.722.670
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 (f)	VND	292.095.480.743	119.921.509.735
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (g)	VND	57.935.351.615	59.604.861.306
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (h)	VND	86.346.113.344	99.939.163.888
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	VND	45.000.000.000	-
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	17.243.531.650	-
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	62.375.485.000
▪ Khoản vay 13 từ Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	-	53.083.901.975
▪ Khoản vay 14 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận	VND	-	45.120.315.120
▪ Khoản vay 15 từ Ngân hàng TNHH Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	38.859.433.072
▪ Khoản vay 16 từ Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	33.923.967.734
		<hr/>	<hr/>
		1.074.954.379.975	1.131.301.799.032
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt từ 5,23% đến 6,0% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 4,5% đến 7,65%) và 2,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 2,25% đến 3%).

- (a) Các khoản vay này có hạn mức tối đa là 500.000 triệu VND (30/6/2014: 300.000 triệu VND). Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long và máy móc với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 1.002 triệu VND và 372 triệu VND (30/6/2014: lần lượt là 1.157 triệu VND, 1.295 triệu VND và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ 200.000 triệu VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 65.340 triệu VND hoặc 3 triệu USD (30/6/2014: 95.702 triệu VND hoặc 4,5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 98.010 triệu VND (30/6/2014: 140.946 triệu VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 261.360 triệu VND hoặc 12 triệu USD (30/6/2014: 253.000 triệu VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 163.350 triệu VND (30/6/2014: 191.403 triệu VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa chung với hạn mức của khoản vay (c) là 261.360 triệu VND hoặc 12 triệu USD (30/06/2014: 253.000 triệu VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 163.350 triệu VND (30/06/2014: 191.403 triệu VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (30/6/2014: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300.000 triệu VND (30/6/2014: 300.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và khoản phải thu Vinamilk với giá trị ghi sổ lần lượt là 130.000 triệu VND và 30.825 triệu VND (30/6/2014: hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 119.922 triệu VND). Ngoài ra các quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế đã ký kết với Vinamilk trước ngày 30 tháng 6 năm 2015 mà vẫn còn hiệu lực thi hành và các hợp đồng kinh tế sẽ ký kết với Vinamilk cho tới ngày đáo hạn của khoản vay này, cũng được dùng để thế chấp cho khoản vay này.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (30/6/2014: 60.000 triệu VND). Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (i) Các khoản vay này có hạn mức tối đa là 108.900 triệu VND hoặc 5 triệu USD. Các khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 50.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Phải trả các cổ đông	1.463.387.918	19.406.030
Phải trả các công ty liên quan khác	69.305.221.681	26.595.000

Khoản phải trả thương mại đối với các cổ đông và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Người mua trả tiền trước

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Trả trước từ các công ty liên quan khác	370.913.853	359.941.853

Khoản trả trước từ các công ty liên quan khác không được đảm bảo và không chịu lãi.

19. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.355.823.485	6.974.812.410
Thuế giá trị gia tăng	4.737.628.779	86.432.042
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.414	305.845.870
Các loại thuế khác	145.582.954	169.089.864
	20.239.067.632	7.536.180.186

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Chi phí phải trả

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí nhập đường	61.849.665.630	-
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.732.856.537	-
Chi phí vận chuyển	257.600.000	-
Chi phí lãi vay	1.352.989.796	1.705.360.065
Chiết khấu bán hàng và khuyến mãi	4.492.793.057	1.966.863.130
Chi phí khác	5.721.497.295	1.379.697.547
	83.407.402.315	5.051.920.742
	83.407.402.315	5.051.920.742

21. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	-
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.917.392.948	3.300.610.989
Cổ tức phải trả	1.745.210.200	33.158.099.700
Chi phí lương và công tác phí cho hệ thống phân phối	1.073.913.713	-
Khoản vay từ Công đoàn	-	13.906.050.812
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	298.078.406	407.753.134
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	911.977.763	702.385.831
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	692.750.000	135.350.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.503.493.379	2.366.401.296
	46.315.522.659	53.976.651.762
	46.315.522.659	53.976.651.762

(*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd để chuyển giao dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	6.139.733.966	9.366.463.232
Tăng trong kỳ	5.318.202.499	4.668.590.197
Sử dụng quỹ trong kỳ	(5.462.061.374)	(7.895.319.463)
Số dư cuối kỳ	5.995.875.091	6.139.733.966

23. Vay dài hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn	103.420.129.194	121.271.931.504
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 16)	(36.378.969.415)	(47.420.976.571)
Hoàn trả sau mười hai tháng	67.041.159.779	73.850.954.933

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	2018	14.718.029.289	18.397.536.611
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (b)	VND	2020	9.255.969.000	11.268.939.800
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (c)	VND	2015	2.400.000.000	11.800.000.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	2015	849.825.000	4.249.825.000
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	2017	18.182.701.572	26.264.701.572

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (f)	VND	2018	4.803.185.030	6.555.185.030
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (g)	VND	2018	8.594.120.640	-
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (h)	VND	2018	7.775.298.684	-
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai (i)	VND	2015	3.645.442.356	10.756.877.988
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai (j)	VND	2018	18.766.836.907	26.035.465.503
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (k)	VND	2021	14.428.720.716	-
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	2014	-	5.943.400.000
			103.420.129.194	121.271.931.504

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 10,0% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 3,9% đến 12,9%).

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 51.513 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 4 kỳ hàng năm bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.680 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 20 tháng 9 năm 2018.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30.195 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.006 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 198 triệu VND vào ngày 15 tháng 4 năm 2020.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Biên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 19.079 triệu VND (30/6/2014: 22.690 triệu VND) và nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và dụng cụ văn phòng tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 66.026 triệu VND (30/6/2014: 74.713 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả vào ngày 22 tháng 9 năm 2015.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.700 triệu VND và được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 8.034 triệu VND (30/6/2014: 10.390 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả vào ngày 21 tháng 9 năm 2015.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 109.056 triệu VND (30/6/2014: 114.810 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 8 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.021 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.019 triệu VND vào ngày 8 tháng 8 năm 2017.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 24.000 triệu VND và cùng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp cho khoản vay (e) trên từ ngân hàng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 2014. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 11 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 437 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.708 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9.922 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 13 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 614 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 612 triệu VND vào ngày 22 tháng 10 năm 2018.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.236 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 1.887 triệu VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 2.740 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 12 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 640 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 95 triệu VND vào ngày 5 tháng 9 năm 2018.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 32.000 triệu VND và được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị văn phòng và phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 67.393 triệu VND (30/6/2014: 73.206 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 2 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.778 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 89 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 48.212 triệu VND và cũng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp cho khoản vay (i) trên từ ngân hàng này (30/6/2014: máy móc và thiết bị tại nhà máy Trị An với giá trị còn lại là 92.692 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 10 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.817 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 596 triệu VND vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.
- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 26.000 triệu VND và được đảm bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.857 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 13 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.034 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 980 triệu VND vào ngày 8 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	629.949.180.000	39.817.240.000	105.138.664.571	31.036.946.843	38.916.396.897	844.858.428.311
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	45.479.641.939	45.479.641.939
Cổ tức	-	-	-	-	(31.497.459.000)	(31.497.459.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(4.668.590.197)	(4.668.590.197)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.945.245.915	1.945.245.915	(3.890.491.830)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	629.949.180.000	39.817.240.000	107.083.910.486	32.982.192.758	44.339.497.809	854.172.021.053
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	98.951.998.280	98.951.998.280
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(31.497.459.000)	(31.497.459.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(5.318.202.499)	(5.318.202.499)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.215.917.708	2.215.917.708	(4.431.835.416)	-
Trích tiền thưởng vượt kế hoạch	-	-	-	-	(2.616.781.959)	(2.616.781.959)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	629.949.180.000	39.817.240.000	109.299.828.194	35.198.110.466	99.427.217.215	913.691.575.875

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 22 tháng 11 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 31.497 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 31.497 triệu VND).

27. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm đối phó với những rủi ro kinh doanh chung của Nhóm công ty trong tương lai.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.978.910.667.308	1.258.654.047.960
▪ Cung cấp dịch vụ	9.982.278.334	4.889.019.461
	<hr/> 2.988.892.945.642	<hr/> 1.263.543.067.421
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(5.243.282.561)	(3.894.162.289)
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.410.310.569)	(154.410.277)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.303.745.142)	-
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(123.862.468)	(1.029.408.139)
	<hr/> (14.081.200.740)	<hr/> (5.077.980.705)
Doanh thu thuần	<hr/> 2.974.811.744.902	<hr/> 1.258.465.086.716

29. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	2.624.307.030.096	1.080.221.818.204
▪ Dịch vụ đã cung cấp	2.997.113.331	2.226.422.767
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	452.802.804
	<hr/> 2.627.304.143.427	<hr/> 1.082.901.043.775

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	411.023.644	697.418.447
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	17.531.327.352	9.591.772.595
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các công ty khác vay	19.018.959.713	18.618.824.843
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	5.717.951.690	2.734.761.500
Thu nhập cổ tức	2.223.558.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	2.961.042.476	481.748.625
	47.863.862.875	32.124.526.010
	47.863.862.875	32.124.526.010

31. Chi phí tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	67.197.422.177	45.141.207.971
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.011.515.611	5.848.592.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	4.799.161.782	1.593.589.731
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	880.799.429	131.939.929
Chi phí tài chính khác	20.750.000	187.774.650
	74.909.648.999	52.903.104.681
	74.909.648.999	52.903.104.681

32. Thu nhập khác

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	4.784.965.410	1.229.045.456
Hoàn thuế bảo vệ môi trường	2.477.800.000	-
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	123.553.051	-
Thu nhập khác	893.768.480	652.331.758
	8.280.086.941	1.881.377.214
	8.280.086.941	1.881.377.214

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Chi phí khác

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	4.255.292.284	397.411.944
Chi phí khác	647.370.000	542.500.000
	4.902.662.284	939.911.944
	4.902.662.284	939.911.944

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	35.229.077.605	13.002.992.208
	35.229.077.605	13.002.992.208
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(7.415.692.084)	305.624.415
	(7.415.692.084)	305.624.415
Chi phí thuế thu nhập	27.813.385.521	13.308.616.623
	27.813.385.521	13.308.616.623

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	126.765.383.801	58.788.258.562
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.888.384.436	12.933.416.884
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(13.525.915)	(32.041.814)
Chi phí không được khấu trừ thuế	427.709.760	407.241.553
Thu nhập không chịu thuế	(489.182.760)	-
	27.813.385.521	13.308.616.623

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này sẽ giảm xuống còn 20% từ năm 2016 trở đi.

(ii) Công ty TNHH Một Thành viên Hải Vi

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo quy định của thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 98.951.998.280 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 45.479.641.939 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 62.994.918 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 62.994.918), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ thuộc về cổ đông phổ thông	98.951.998.280	45.479.641.939

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	62.994.918	62.994.918

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Nhóm công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Nhóm công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm công ty như thế nào, và xem xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm công ty. Nhóm công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Nhóm công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho nông dân trồng mía và các khoản đầu tư vào công cụ nợ.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền	(*)	38.819.582.028	70.614.395.153
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn	(*)	5.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – cho vay	(**)	77.921.461.456	31.052.571.428
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	406.610.446.088	269.250.668.012
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	(****)	105.094.712.852	189.368.604.039
		633.446.202.424	560.286.238.632

(*) *Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn*

Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

() *Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – cho vay***

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho khách hàng và nhà cung cấp vay. Nhóm công ty có thể chịu rủi ro tín dụng nếu khách hàng và nhà cung cấp không có khả năng trả nợ. Ban Tổng Giám đốc liên tục giám sát tình hình tài chính của khách hàng và nhà cung cấp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng này.

Nhóm công ty tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

(*) *Phải thu khách hàng và phải thu khác***

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, khách hàng cần phải ứng tiền trước đối với tất cả các yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 45 đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 đến 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Nhóm công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dựa vào lịch sử vi phạm về việc trả nợ, Nhóm công ty tin rằng, ngoại trừ các khoản dự phòng đã lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	30/6/2015	30/6//2014
	VND	VND
Trong hạn	383.053.680.363	205.283.994.467
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	18.598.506.517	59.570.545.709
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	4.306.939.492	4.129.459.125
Quá hạn trên 180 ngày	2.028.800.106	1.438.708.041
	407.987.926.478	270.422.707.342
	407.987.926.478	270.422.707.342

(**) Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng hộ nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ hộ nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho hộ nông dân đó. Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Hơn nữa, hộ nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Nhóm công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Nhóm công ty. Hộ nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa vào lịch sử vi phạm về việc trả nợ, Nhóm công ty tin rằng, ngoại trừ các khoản dự phòng đã lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước cho nông dân trồng mía tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Tuổi nợ của các khoản trả trước cho nông dân trồng mía như sau:

	30/6/2015	30/6//2014
	VND	VND
Trong hạn	108.097.101.699	190.095.903.671
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	461.893.921
Quá hạn trên 180 ngày	8.667.293.050	7.494.497.706
	116.764.394.749	198.052.295.298
	116.764.394.749	198.052.295.298

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	9.855.730.589	6.564.925.436
Tăng dự phòng trong kỳ	3.827.377.583	3.531.537.138
Hoàn nhập	(589.644.924)	(240.731.985)
Sử dụng dự phòng	(46.300.961)	-
Số dư cuối kỳ	<u>13.047.162.287</u>	<u>9.855.730.589</u>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	1.090.533.651.990	1.090.533.651.990	-	-	-
Phải trả người bán	111.841.437.258	111.841.437.258	111.841.437.258	-	-	-
Phải trả người lao động	21.615.193.302	21.615.193.302	21.615.193.302	-	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	46.315.522.659	46.315.522.659	46.315.522.659	-	-	-
Chi phí phải trả	83.407.402.315	83.407.402.315	83.407.402.315	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	103.420.129.194	118.051.819.621	43.527.763.326	33.808.617.398	36.269.300.052	4.446.138.845
Nợ dài hạn khác	532.640.000	532.640.000	-	532.640.000	-	-
	1.442.086.704.703	1.472.297.667.145	1.397.240.970.850	34.341.257.398	36.269.300.052	4.446.138.845

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.131.301.799.032	1.149.596.656.454	1.149.596.656.454	-	-	-
Phải trả người bán	89.379.353.266	89.379.353.266	89.379.353.266	-	-	-
Phải trả người lao động	23.146.291.584	23.146.291.584	23.146.291.584	-	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.976.651.762	55.019.605.573	55.019.605.573	-	-	-
Chi phí phải trả	5.051.920.742	5.051.920.742	5.051.920.742	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	121.271.931.504	139.900.811.807	57.032.862.204	36.190.797.206	45.451.800.300	1.225.352.097
Nợ dài hạn khác	1.555.540.000	1.555.540.000	-	1.555.540.000	-	-
	1.425.683.487.890	1.463.650.179.426	1.379.226.689.823	37.746.337.206	45.451.800.300	1.225.352.097

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD), Euro (EUR) và Đô la Úc (AUD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2015		30/6/2014		
	USD	EUR	USD	EUR	AUD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.628	250	174.314	250	-
Phải thu khách hàng	106.503	-	-	-	-
Phải trả người bán	(199.374)	-	(2.532.531)	(505)	(2.650)
Vay ngắn hạn	(8.685.800)	-	(5.026.449)	-	-
Chi phí phải trả	(3.447)	-	-	-	-
	(8.779.490)	250	(7.384.666)	(255)	(2.650)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
1 USD	21.780	21.267
1 EUR	25.532	28.882
1 AUD	16.592	19.887

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế VND
30/6/2015	
USD (mạnh thêm 2%)	(2.982.989.758)
EUR (yếu đi 12%)	(597.449)
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	(1.224.987.596)
EUR (mạnh thêm 0,3%)	(17.234)
AUD (mạnh thêm 7%)	(2.877.450)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	29.200.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	82.921.461.456	31.052.571.428
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	116.764.394.749	189.368.604.039
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	(13.906.050.812)
Vay dài hạn (*)	(32.568.118.929)	(35.609.876.411)
	196.317.737.276	170.905.248.244
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển	9.619.582.028	70.614.395.153
Vay ngắn hạn	(1.074.954.379.975)	(1.131.301.799.032)
Vay dài hạn	(70.852.010.265)	(85.662.055.093)
	(1.136.186.808.212)	(1.146.349.458.972)

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (*) Vay dài hạn có lãi suất cố định từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh và từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

Nhóm công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 8.862 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm công ty (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 8.942 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	38.819.582.028	70.614.395.153
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	82.921.461.456	31.052.571.428
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	406.610.446.088	269.250.668.012
- Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	105.094.712.852	189.368.604.039
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư chứng khoán dài hạn	65.580.144.139	61.942.323.750
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	158.156.959.917	143.356.005.028
- Nợ phải trả ngắn hạn khác	105.022.595.617	28.198.212.326
- Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	1.131.301.799.032
- Vay dài hạn	103.420.129.194	121.271.931.504
- Nợ phải trả dài hạn khác	532.640.000	1.555.540.000

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác, phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, phải trả người bán và phải trả khác, vay và nợ ngắn hạn khác.

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Đầu tư chứng khoán dài hạn, trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía, vay dài hạn và nợ phải trả dài hạn khác.

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2014 VND
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	162.681.345.520	141.945.195.908
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	18.020.689.765	17.412.946.044
Xây dựng cơ bản dở dang đã phát sinh nhưng chưa thanh toán	13.229.845.304	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Nhóm công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	168.349.548.295	59.068.058.365
Mua hàng hóa, dịch vụ	6.781.116.600	12.786.360.168
Cho vay	271.000.000.000	196.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	15.829.830.351	7.796.233.176
Vay	40.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	292.850.000	-
Mua cổ phiếu	6.183.836.000	-
Phân phối cổ tức	9.194.986.000	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	79.048.383.436	22.788.415.714
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.649.137.245	848.861.686
Phân phối cổ tức	13.630.296.000	-
Tổng công ty Mía Đường II – Công ty TNHH Một Thành viên		
Phân phối cổ tức	7.734.143.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Phân phối cổ tức	5.278.600.000	-
Cho vay	-	42.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	982.822.223
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên		
Mua hàng hóa, dịch vụ	13.113.339.984	9.203.317.029
Phân phối cổ tức	2.193.590.000	-
Mua cổ phiếu	4.891.470.000	-
Bán hàng hóa	547.619	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Mua đường nguyên liệu và dịch vụ	120.363.535.485	99.805.356.035
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	1.591.101.533	2.897.515.629
Bán thành phẩm và dịch vụ	13.655.673.321	3.573.720.789
Thu từ thanh lý tài sản cố định	136.363.636	318.181.818
Trao đổi đường	-	5.855.391.410
Phí vận chuyên	-	22.779.545

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	4.688.381	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	683.324.681	492.571.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	324.846.363	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa		
Bán hàng hóa	16.064.996	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	298.000.000	240.000.000
Mua hàng hóa	622.895.650.999	70.766.191.572
Thu lãi cổ tức	200.460.000	-
Phân phối cổ tức	116.648.000	-
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	431.027.777	862.298.492
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang		
Bán hàng hóa	340.983.357	16.142.217
Mua hàng hóa, dịch vụ	132.604.740.182	212.377.879.839
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	2.036.454.571	3.339.130.960
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.303.169.354	450.000.000
Tiền lương và thưởng	6.600.743.811	2.562.476.483

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	29.997.550.430	263.920.658.510

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.379.433.437	3.591.197.940
Trong vòng hai đến năm năm	8.783.553.080	8.284.645.022
Sau năm năm	58.041.847.761	59.868.519.389
	<hr/>	<hr/>
	70.204.834.278	71.744.362.351

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.424.091.358.344	1.359.120.664.902
Chi phí nhân công và nhân viên	149.175.162.899	89.951.856.166
Chi phí khấu hao và phân bổ	53.102.418.888	23.575.700.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.176.355.963	45.794.206.832
Chi phí khác	79.867.006.479	46.173.529.521

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch